

THAM CHIẾU ĐÍNH KÈM

E-CDNT 28.4	Bao gồm tất cả các chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đề nghị các nhà thầu tham dự gói thầu này khi chào giá áp dụng mức thuế suất giá trị gia tăng là 10% cho tất cả các hạng mục công việc làm cơ sở thống nhất giá đánh giá, lựa chọn nhà thầu (cùng mặt bằng), thương thảo ký kết hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 10	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản 100%. 10.1 Tạm ứng: - Chủ đầu tư tạm ứng 20% giá trị chi phí khảo sát, lập BCKTKT-DT (trước thuế) xác định theo hợp đồng tư vấn từng hạng mục công trình, trong vòng 30 ngày làm việc ngay sau khi nhận đủ các hồ sơ sau: + Hợp đồng tư vấn đã được ký kết và có hiệu lực; + Văn bản yêu cầu tạm ứng; + Giấy bảo lãnh tiền tạm ứng (do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành); + Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và Giấy chứng nhận bảo hiểm (nếu có) - Số tiền tạm ứng của từng công tác sẽ được Chủ đầu tư thu hồi toàn bộ ngay từ lần thanh toán đầu tiên. - Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. - Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

	- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. - Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. - Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. 10.2 Thanh toán: • Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo 02 đợt: + Đợt 1: Thanh toán 70% giá trị chi phí khảo sát, lập BCKTKT-DT (bao gồm phần đã tạm ứng) được xác định trong Bảng xác định kinh phí thanh toán sau khi có Quyết định phê duyệt hồ sơ BCKTKT-DT xây dựng công trình và Nhà thầu có văn bản yêu cầu thanh toán. + Đợt 2: Sau khi có Quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, Chủ đầu tư sẽ thanh toán khoản tiền giữ lại cho Nhà thầu với số tiền là 30% giá trị còn lại (theo bảng xác định kinh phí thanh toán) trừ/cộng giá trị chênh lệch theo số liệu phê duyệt quyết toán (nếu có). Nếu số tiền chênh lệch bị trừ vượt quá khoản tiền giữ lại này thì số tiền vượt sẽ là nợ đến hạn mà Nhà thầu phải trả cho Chủ đầu tư. • Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 30 ngày làm việc cho từng đợt thanh toán, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu. • Hồ sơ thanh toán: + Hồ sơ báo cáo khảo sát;
--	--

	+ Biên bản nghiệm thu hồ sơ báo cáo khảo sát; + Hồ sơ BCKTKT-DT xây dựng hạng mục công trình gồm thuyết minh, thiết kế bản vẽ thi công và Tổng dự toán xây dựng công trình; + Biên bản nghiệm thu hồ sơ BCKTKT-DT xây dựng hạng mục công trình; + Bảng tính giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng, có xác nhận của các bên liên quan, có phụ lục hợp đồng được ký kết theo đúng quy định. + Đề nghị thanh toán của nhà thầu tư vấn cần thể hiện đầy đủ các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau cùng, có xác nhận của các bên liên quan. + Thông báo chấp thuận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường của UBND Quận nơi công trình sẽ được xây dựng (nếu có); + Biên bản xác nhận đã bàn giao 01 USB chứa toàn bộ dữ liệu của sản phẩm (kèm theo danh sách phần mềm sử dụng tương ứng với các file dữ liệu); + Bảng xác định kinh phí thanh toán; + Hóa đơn tài chính hợp lệ chi phí lập BCKTKT-DT; Hồ sơ liên quan khác (nếu cần) theo yêu cầu của thủ tục thanh toán đầu tư xây dựng.
E-ĐKC 17	1. Phạt vi phạm hợp đồng: * Đối với bên nhận thầu: a) Nguyên tắc: Nội dung vi phạm/ sai sót về chất lượng hoặc các thiếu sót trong hồ sơ tư vấn dẫn đến hậu quả: việc triển khai thực hiện không đúng quy định của pháp luật, quy định của cấp có thẩm quyền (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty), quy định của hợp đồng như khảo sát thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, sai định mức, đơn giá,..; hoặc việc triển khai thực hiện gây thiệt hại cho chủ đầu tư (phát sinh chi phí, lãng phí, gây sự cố công trình, đưa ra giải pháp khảo sát, thiết kế không phù hợp dẫn đến không thể triển khai thi công trong thực tế) được quy định, như sau:

	- Vi phạm trong công tác khảo sát: + Vi phạm trong thu thập, tính toán các số liệu về khí tượng – thủy văn; + Vi phạm trong công tác khảo sát địa hình (đo đạc, xây dựng các mốc địa hình, các bản đồ địa hình, các mặt cắt địa hình...); + Vi phạm trong công tác khảo sát địa chất (Bản đồ địa chất công trình, công tác địa vật lý, công tác khoan/ đào địa chất, công tác bảo quản nồn khoan...); + Vi phạm trong việc điều tra, khảo sát, thống kê, xác định khối lượng các ảnh hưởng, tác động bởi Dự án/ công trình... (diện tích chiếm đất, khối lượng bồi thường, di dân tái định cư, giải phóng mặt bằng... Các số liệu, tài liệu liên quan đến xác lập Báo cáo ĐTM...). + Vi phạm trong công tác phân tích, đánh giá kết quả và xác lập các chỉ tiêu khảo sát về khí tượng thủy văn, địa hình, địa chất (chỉ tiêu cơ lý đất đá, phân lớp địa chất công trình, động đất, kiến tạo, ...). + Vi phạm trong công tác cập nhật hạ tầng ngầm. + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan. - Vi phạm trong công tác thiết kế: + Vi phạm trong việc áp dụng các Tiêu chuẩn thiết kế, Phân loại cấp công trình và nhóm công trình, lựa chọn tần suất tính toán thiết kế (về thủy văn, sóng, gió...) đối với hạng mục/ công trình...; + Vi phạm trong phân tích sự cần thiết đầu tư, phân tích kinh tế - tài chính của Dự án; + Vi phạm trong việc lựa chọn, xác định tổ hợp tải trọng tác động lên hạng mục/ công trình... trong các trường hợp tính toán; + Vi phạm trong việc tính toán, phân tích lựa chọn phương án, lựa chọn tuyến, thiết kế bố trí hạng mục/ tổng thể công trình và các hạng mục công trình phụ trợ...;
--	--

	+ Vi phạm trong giải pháp thiết kế, lựa chọn công nghệ; + Vi phạm trong tính toán, thiết kế đối với từng cấu kiện, bộ phận, hạng mục, trong Hồ sơ thiết kế của Dự án/ công trình; + Vi phạm trong việc xác lập, kiến nghị biện pháp tổ chức xây dựng, biện pháp thi công hạng mục/ công trình; + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan. + Vi phạm trong bóc tách khối lượng từ bản vẽ, bản vẽ thiết kế sai sót, ... + Các vi phạm, sai sót chủ quan khác dẫn đến phải sửa đổi thiết kế trong quá trình chọn thầu, trong quá trình thi công, nghiệm thu. - Vi phạm trong công tác lập, thẩm tra chi phí: + Vi phạm trong việc tuân thủ các quy định về quản lý chi phí ĐTXD được ban hành và có hiệu lực đối với từng thời kỳ; + Vi phạm trong việc tuân thủ nội dung hồ sơ kỹ thuật (khảo sát, thiết kế các giai đoạn: khối lượng, biện pháp tổ chức xây dựng/biện pháp thi công, các điều kiện tự nhiên liên quan...); + Áp dụng/vận dụng định mức, đơn giá và các chế độ trong tính toán, xác định chi phí không đúng; + Các sai sót trong quá trình tính toán, xác định chi phí; + Vi phạm thời gian thực hiện và/hoặc không đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định khi trình duyệt (kể cả các tài liệu gửi qua e.mail, D.office, phần mềm quản lý ĐTXD...); + Xác định TMĐT/ĐTXD/dự toán gói thầu có giá chi phí chênh lệch lớn hơn $\pm 10\%$ so với kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt. - Các nội dung vi phạm khác: + Nội dung hồ sơ không thống nhất (do lỗi chủ quan của tư vấn) dẫn đến việc: hồ sơ dự án, thiết kế, hồ sơ mời thầu bị cơ quan có thẩm quyền/ cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trả về yêu cầu hiệu chỉnh (Sở Công Thương TP.HCM, Cục Điện lực và
--	---

	Năng lượng tái tạo, Sở Xây dựng TP.HCM, Bộ Xây dựng, đặc biệt là Tập đoàn Điện lực Việt Nam trả hồ sơ yêu cầu hiệu chỉnh, Các nhà thầu tham dự thầu phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu gửi văn bản đề nghị bên mời thầu làm rõ). + Về việc lựa chọn phương án bố trí tổng thể mặt bằng chưa tối ưu (làm ảnh hưởng đến: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; khả năng mở rộng của công trình; khó khăn trong sửa chữa, thay thế VTTB, vận hành hệ thống, ...). + Hồ sơ tư vấn, hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu làm hạn chế Nhà sản xuất, Nhà thầu tham dự. + Đối với các vi phạm khác: Các đơn vị nhận dạng theo hướng dẫn về xử lý sai phạm trong đầu tư xây dựng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam để áp dụng cho phù hợp. b) Mức phạt: - Giá trị phạt do vi phạm về tiến độ được tính = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các Đơn vị tự quyết định). - Giá trị phạt do vi phạm về chất lượng được tính = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; được tính lũy kế các lần 1 phạt 5 %, lần 2 phạt 7 %, lần 3 phạt 12 % và xem xét chấm dứt hợp đồng. * Đối với bên giao thầu: a) Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải chịu phạt (đồng thời là mức bồi thường) cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu. b) Thời hạn thanh toán tối đa: - Đối với các hợp đồng sử dụng vốn trong nước (nguồn khấu hao, vốn vay tín dụng thương mại, ...): thời hạn thanh
--	--

	toán không được kéo dài quá 14 ngày làm việc kể từ ngày bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trong đó, thời gian cấp phát vốn của cơ quan Tổng công ty là 06 ngày làm việc và thời gian giải quyết của các Đơn vị là 08 ngày làm việc (Đơn vị phải xây dựng mạch chu lưu nội bộ để thực hiện). - Đối với hợp đồng sử dụng vốn vay ODA: thực hiện theo quy định của nhà tài trợ, các quy định của pháp luật về xây dựng và các nội dung khác liên quan. - Các Đơn vị lập biên bản giao nhận hồ sơ thanh toán, thực hiện kiểm tra ngay khi nhận hồ sơ làm cơ sở để tính thời hạn thanh toán. c) Xác định trách nhiệm để xảy ra lỗi chậm thanh toán: - Trường hợp xảy ra lỗi chậm thanh toán do nguyên nhân chủ quan của Đơn vị thì các Đơn vị phải xác định rõ trách nhiệm cá nhân để xử lý kỷ luật hoặc đề xuất Tổng công ty hình thức kỷ luật các cá nhân gây ra lỗi chậm thanh toán theo đúng nội quy lao động của Tổng công ty; báo cáo về Tổng công ty: + Kết quả xử lý kỷ luật hoặc đề xuất xử lý kỷ luật. + Xác định rõ giá trị chậm trả và lãi suất của ngân hàng dự kiến áp dụng để thanh toán cho nhà thầu. - Trường hợp nguyên nhân chậm thanh toán do các Ngân hàng thương mại, cơ quan cấp phát vốn, các Ban chức năng Tổng công ty, Tổng công ty sẽ làm việc cụ thể, giải quyết theo thẩm quyền. 2. Bồi thường thiệt hại: Mức bồi thường = chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng Trong đó: + Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng, ... do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp
--	---

	dẫn đến thi công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố, ...). (<i>trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này</i>). + Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.
--	--